

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 001/GF/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên công ty: Công ty TNHH Global Fobe
2. Địa chỉ: 35/23 Đỗ Thừa Luông, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Điện thoại: 0971854086 Fax:
4. E-mail: Globalfobe@gmail.com
5. Mã số doanh nghiệp: 0318510242
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp:
(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem I love milk**
2. Thành phần: 100% sữa bò tươi tiệt trùng nguyên kem
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: in trên bao bì.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách: 1 lít/ hộp
 - Chất liệu bao bì: hộp giấy
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
Spoldielnia Mleczarska Mlekovita
Ul. Ludowa 122, 18-200 Wysokie Mazowieckie, Poland

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Công ty kinh doanh sản phẩm *Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem I love milk* đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
 - QCVN 5-1:2010/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.
2. Yêu cầu kỹ thuật: xem Phụ lục kèm theo.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 Tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Giám Đốc

Trịnh Thị Anh Tuyết

PHỤ LỤC: YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Mô tả sản phẩm: Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem I love milk



2. Các chỉ tiêu cảm quan:

Stt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng lỏng
2	Màu sắc	Màu sắc đặc trưng của sản phẩm
3	Mùi vị	Mùi vị đặc trưng của sản phẩm

3. Các chỉ tiêu:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Hàm lượng protein sữa	% khối lượng	$\geq 2,7$
2	Tỷ trọng ở 20 °C	-	$\geq 1,026$
Vi sinh vật			
3	- Enterobacteriaceae	CFU/mL	≤ 1
	- Listeria monocytogenes		$\leq 10^2$
Kim loại nặng			
4	- Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,02$
Độc tố vi nấm			
5	- Hàm lượng aflatoxin M1	$\mu\text{g/kg}$	$\leq 0,5$
6	Dư lượng thuốc kháng sinh, thuốc trừ sâu và các phụ gia thực phẩm khác (nếu có): Phù hợp với quy định hiện hành của Việt Nam.		

65 mm

**SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG NGUYÊN KEM
I LOVE MILK**

Hàm lượng chất béo: 3.5%

Thành phần: 100% Sữa bò tươi tiết trùng nguyên kem

HDSD: Sử dụng trực tiếp hoặc làm nguyên liệu cho các món ăn khác

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

NSX, HSD: Xem trên nắp hộp
(ngày/tháng/năm)

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát trong bao bì kín, nhiệt độ từ +1°C đến +25°C. Bảo quản lạnh sau khi mở hộp và sử dụng hết trong vòng 48 giờ

Sản xuất bởi: Spółdzielnia Mleczarska MLEKOVITA

Địa chỉ: ul. Ludowa 122, 18-200 Wysokie Mazowieckie, Poland

Sản xuất tại: Ba Lan

Nhập khẩu, phân phối bởi:

CÔNG TY TNHH GLOBAL FOBE

Địa chỉ: 35/23 Đỗ Thừa Luông, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Email: globalfobe@gmail.com **Hotline:** 0971854086

CBSP số: 001/GF/2024

Thông tin cảnh báo: Cần nhắc sử dụng nếu dị ứng với sữa

THỂ TÍCH THỰC: 1L

**SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG NGUYÊN KEM
I LOVE MILK**

Hàm lượng chất béo: 3.5%

Thành phần: 100% Sữa bò tươi tiết trùng nguyên kem

HDSD: Sử dụng trực tiếp hoặc làm nguyên liệu cho các món ăn khác

HSD: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

NSX, HSD: Xem trên nắp hộp
(ngày/tháng/năm)

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát trong bao bì kín, nhiệt độ từ +1°C đến +25°C. Bảo quản lạnh sau khi mở hộp và sử dụng hết trong vòng 48 giờ

Sản xuất bởi: Spółdzielnia Mleczarska MLEKOVITA

Địa chỉ: ul. Ludowa 122, 18-200 Wysokie Mazowieckie, Poland

Sản xuất tại: Ba Lan

Nhập khẩu, phân phối bởi:

CÔNG TY TNHH GLOBAL FOBE

Địa chỉ: 35/23 Đỗ Thừa Luông, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Email: globalfobe@gmail.com

Hotline: 0971854086

CBSP số: 001/GF/2024

Thông tin cảnh báo: Cần nhắc sử dụng nếu dị ứng với sữa

THỂ TÍCH THỰC: 1L



150 mm

Số: 01159/N3.24/DG

Ngày: 03/07/2024

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty TNHH Global Fobe
- Tên mẫu theo khai báo : Sữa tươi tiệt trùng nguyên kem I love milk
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 24/06/2024
- Nội dung giám định : Giám định các chỉ tiêu an toàn theo quy định nêu tại mục 6 theo yêu cầu khách hàng.
- Căn cứ giám định : QCVN 5-1:2010/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

7. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

7.1) Mô tả mẫu:



Ngày sản xuất: 01.03.2024

Hạn sử dụng: 01.03.2025

7.2) Kết quả giám định chi tiết: (xem trang 2/2).

8. Kết luận: Mẫu giám định có kết quả các chỉ tiêu phù hợp với yêu cầu nêu tại mục 6.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Lê Kim Hiền



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng

7. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

7.2) Kết quả giám định chi tiết:

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả	Giới hạn phát hiện	Yêu cầu nêu tại mục 6
1	Hàm lượng protein sữa, % khối lượng	3,23	-	$\geq 2,7$
2	Tỷ trọng ở 20 °C	1,032	-	$\geq 1,026$
3	<i>Vi sinh vật</i>			
	- Enterobacteriaceae, CFU/mL	$< 1^{(*)}$	-	≤ 1
	- Listeria monocytogenes, CFU/mL	$< 1^{(*)}$	-	$\leq 10^2$
4	<i>Kim loại nặng</i>			
	- Hàm lượng chì (Pb), mg/kg	KPH ^(**)	0,006	$\leq 0,02$
5	<i>Độc tố vi nấm</i>			
	- Hàm lượng aflatoxin M1, µg/kg	KPH ^(**)	0,02	$\leq 0,5$
6	<i>Dư lượng thuốc thú y</i>			
	- Hàm lượng benzylpenicilin, µg/kg	KPH ^(**)	2,00	≤ 4
	- H/l procainbenzylpenicilin, µg/kg	KPH ^(**)	2,00	≤ 4
	- Hàm lượng chlortetracyclin, µg/kg	KPH ^(**)	10,0	≤ 100
	- Hàm lượng oxytetracyclin, µg/kg	KPH ^(**)	10,0	≤ 100
	- Hàm lượng tetracyclin, µg/kg	KPH ^(**)	10,0	≤ 100
	- Hàm lượng dihydrostreptomycin, µg/kg	KPH ^(**)	30,0	≤ 200
	- Hàm lượng streptomycin, µg/kg	KPH ^(**)	30,0	≤ 200
	- Hàm lượng gentamycin, µg/kg	KPH ^(**)	30,0	≤ 200
	- Hàm lượng spiramycin, µg/kg	KPH ^(**)	50,0	≤ 200
7	<i>Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật</i>			
	- Hàm lượng endosulfan, mg/kg	KPH ^(**)	0,005	$\leq 0,01$
	- Hàm lượng aldrin và dieldrin, mg/kg	KPH ^(**)	0,005	$\leq 0,006$
	- Hàm lượng cyfluthrin, mg/kg	KPH ^(**)	0,01	$\leq 0,04$
	- Hàm lượng DDT, mg/kg	KPH ^(**)	0,005	$\leq 0,02$

(*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

(**) KPH: Không phát hiện.

KT3-04515ATP4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

01/07/2024
Trang 01/02

1. Tên mẫu : SỮA TƯƠI TIẾT TRÙNG NGUYÊN KEM I LOVE MILK
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu (01159/N3.24/DG/Oanh).
3. Số lượng mẫu : 01 (5 hộp)
4. Ngày nhận mẫu : 25/06/2024
5. Thời gian thử nghiệm : 26/06/2024 - 01/07/2024
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH GLOBAL FOBE
35/23 Đỗ Thừa Luông, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/02

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**


Nguyễn Hữu Tín


Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-04515ATP4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



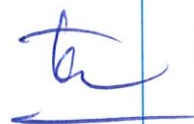
01/07/2024
Trang 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng chì, mg/kg	QTTN/KT3 196:2018 (Ref: AOAC 2013.06)	$6,00 \times 10^{-3}$		Không phát hiện
7.2. Hàm lượng aflatoxin M1, $\mu\text{g/kg}$	QTTN/KT3 242:2019	0,02		Không phát hiện
7.3. Hàm lượng, $\mu\text{g/kg}$				
• Benzylpenicillin	QTTN/KT3 288:2021	2,00		Không phát hiện
• Procaine benzylpenicillin	QTTN/KT3 288:2021	2,00		Không phát hiện
• Tetracycline	QTTN/KT3 288:2021	10,0		Không phát hiện
• Oxytetracycline	QTTN/KT3 288:2021	10,0		Không phát hiện
• Chlortetracycline	QTTN/KT3 288:2021	10,0		Không phát hiện
• Dihydrostreptomycin	QTTN/KT3 288:2021	30,0		Không phát hiện
• Streptomycin	QTTN/KT3 288:2021	30,0		Không phát hiện
• Gentamicin	QTTN/KT3 288:2021	30,0		Không phát hiện
• Spiramycin	QTTN/KT3 288:2021	50,0		Không phát hiện
7.4. Hàm lượng, mg/kg				
• Endosulfan	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện
• Aldrin và Dieldrin	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện
• Cyfluthrin	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện
• DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD))	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện
7.5. Hàm lượng protein tính theo khối lượng, %	TCVN 8099-1:2015 Phương pháp Kjeldahl	-	-	3,23
7.6. Tỷ trọng tương đối ở 20°C/20°C	QTTN/KT3 191:2018	-	-	1,032
7.7. Enterobacteriaceae, CFU/mL	ISO 21528-2:2017	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾
7.8. <i>Listeria monocytogenes</i> , CFU/mL	ISO 11290-2:2017	-		Nhỏ hơn 1 ⁽¹⁾

Ghi chú: Hàm lượng protein = Hàm lượng nitơ x 6,38

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*